

**ĐIỂM NÀY CÓ G? SAI SÓT TH? LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI R? C Ụ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PH?NG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT**

**BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN**

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K16XCD
TÊN MÔN HỌC: ĐỒ ÁN NỀN & MÓNG
M? MÔN H ỌC : CIE-324

HỌC KỲ 6
TÍN CHỈ 1
LẦN THI 1

Ngày thi: 25/02/2012

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30						55	100			
1	142211301	NGUYỄN ANH TUẤN	K16XCD1	0		0						HP	0.0	Khăng		
2	151214579	NGUYỄN NGỌC THOAN	K16XCD1	4		4						V	0.0	Khăng		
3	151216130	NGUYỄN TIẾN HUY	K16XCD1	10		5						3	0.0	Khăng		
4	151324930	NGUYỄN QUANG VINH	K16XCD1	10		5						5	5.8	Nằm ph?p Tâm		
5	151445310	HỒ THỊ KIM NGÂN	K16XCD1	10		6						6	6.6	S?u ph?p S?u		
6	161156390	LÊ VIỆT NY	K16XCD1	4		4						HP	0.0	Khăng		
7	161215090	TRƯỜNG VĂN CHÂU	K16XCD1	7		4						V	0.0	Khăng		
8	161215094	HỒ VĂN ĐẠI	K16XCD1	10		5.5						5.5	6.2	S?u ph?p Hai		
9	161215098	NGUYỄN ĐẠT	K16XCD1	10		7						5.5	6.6	S?u ph?p S?u		
10	161215108	NGÔ HOÀNG DUY	K16XCD1	5		5						V	0.0	Khăng		
11	161215110	PHẠM GIANG	K16XCD1	0		0						V	0.0	Khăng		
12	161215111	HOÀNG HẢI	K16XCD1	7		4						V	0.0	Khăng		
13	161215120	LÊ NGỌC HOÀNG	K16XCD1	4		4						V	0.0	Khăng		
14	161215122	BÙI NGỌC HOÀNG	K16XCD1	7		5.5						5	5.5	Nằm ph?p Nằm		
15	161215133	HÀ QUỐC KHÁNH	K16XCD1	10		7						7	7.5	B?y ph?p Nằm		
16	161215141	NGUYỄN VĂN LONG	K16XCD1	4		4						V	0.0	Khăng		
17	161215144	NGUYỄN THỊ MAI LY	K16XCD1	10		7.5						7	7.6	B?y ph?p S?u		
18	161215156	NGUYỄN QUỐC PHƯỚC	K16XCD1	4		4						V	0.0	Khăng		
19	161215173	TRẦN VĂN TÀI	K16XCD1	5		4						V	0.0	Khăng		
20	161215197	BẠCH VĂN TRÍ	K16XCD1	10		6						5	6.1	S?u ph?p M?u		
21	161215203	NGÔ VĂN TUẤN	K16XCD1	4		4						V	0.0	Khăng		
22	161215206	PHAN HỒ QUỐC TUẤN	K16XCD1	7		5.5						V	0.0	Khăng		
23	161216462	NGÔ QUỐC ĐẠT	K16XCD1	10		7						6	6.9	S?u ph?p Chèn		
24	161216564	ĐỖ THỊ THỦY TIẾN	K16XCD1	10		6						6	6.6	S?u ph?p S?u		
25	161216731	TRỊNH XUÂN TRƯỜNG	K16XCD1	10		6						5	6.1	S?u ph?p M?u		
26	161216791	PHẠM NGỌC THẠCH	K16XCD1	10		7						6.5	7.2	B?y ph?p Hai		
27	161217068	ĐẶNG BẢO KHIẾT	K16XCD1	6		5						V	0.0	Khăng		
28	161217122	ĐỖ TRỌNG HÙNG	K16XCD1	10		6.5						5.5	6.5	S?u ph?p Nằm		
29	161217123	LÊ MẠNH LINH	K16XCD1	10		7						5	6.4	S?u ph?p B?u		
30	161217124	V? MINH NGỌC	K16XCD1	10		8						8	8.3	Tâm ph?p Ba		
31	161217210	NGUYỄN PHÙNG MINH HUY	K16XCD1	0		0						HP	0.0	Khăng		
32	161217314	TRẦN VĂN THƯƠNG	K16XCD1	10		6.5						5	6.2	S?u ph?p Hai		
33	161217384	PHẠM TẤN TRUNG	K16XCD1	10		7						6	6.9	S?u ph?p Chèn		
34	161217484	HUỶNH DUY PHƯƠNG	K16XCD1	10		5						3	0.0	Khăng		
35	161217594	PHAN VĂN NHẤT	K16XCD1	10		5						3	0.0	Khăng		
36	161217669	ĐINH HOÀNG VIỆT	K16XCD1	0		0						HP	0.0	Khăng		
37	162257255	TRẦN THANH HÙNG	K16XCD1	10		5						3	0.0	Khăng		
38	162257349	PHAN NGỌC CƯỜNG	K16XCD1	10		5						3	0.0	Khăng		
39	161135889	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	K16XCD2	0		0						HP	0.0	Khăng		
40	161215080	TRẦN HÙNG ANH	K16XCD2	0		0						HP	0.0	Khăng		

Ngày thi: 25/02/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15		30							55	100		
41	161215093	NGUYỄN ĐÔNG	DẮC	K16XCD2	4		4							V	0.0	Khăng	
42	161215097	TRỊNH QUỐC	ĐẠT	K16XCD2	4		4							V	0.0	Khăng	
43	161215103	TRƯỜNG ĐỨC	ĐỨC	K16XCD2	7		5							V	0.0	Khăng	
44	161215105	NGUYỄN HỮU	ĐỨC	K16XCD2	10		6							3	0.0	Khăng	
45	161215119	HÀ HUY	HOÀNG	K16XCD2	10		6							5	6.1	Sau phap Mâu	
46	161215126	HUỖNH KIM	HÙNG	K16XCD2	0		0							HP	0.0	Khăng	
47	161215131	TRẦN QUỐC	HUY	K16XCD2	10		7							5.5	6.6	Sau phap Sau	
48	161215135	NGUYỄN HỮU	KHÁNH	K16XCD2	7		5							V	0.0	Khăng	
49	161215137	LÊ ANH	KHOA	K16XCD2	10		5.5							3	0.0	Khăng	
50	161215143	NGUYỄN Đ?NH	LONG	K16XCD2	4		4							V	0.0	Khăng	
51	161215148	NGUYỄN QUANG	NGUYỄN	K16XCD2	4		4							V	0.0	Khăng	
52	161215150	TRẦN THANH	NHÂN	K16XCD2	4		4							HP	0.0	Khăng	
53	161215159	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	K16XCD2	10		7							5.5	6.6	Sau phap Sau	
54	161215163	PHẠM HẢO	QUANG	K16XCD2	7		5.5							3	0.0	Khăng	
55	161215171	V? CÔNG	SƠN	K16XCD2	4		4							V	0.0	Khăng	
56	161215177	V? DUY	THÁI	K16XCD2	0		0							HP	0.0	Khăng	
57	161215181	ĐẶNG CÔNG	THÀNH	K16XCD2	10		5.5							3	0.0	Khăng	
58	161215196	HUỖNH DUY	TRÍ	K16XCD2	10		6							5	6.1	Sau phap Mâu	
59	161215198	PHẠM TRẦN XUÂN	TRUNG	K16XCD2	10		5.5							3	0.0	Khăng	
60	161215200	PHẠM KHẮC	TRƯỜNG	K16XCD2	4		4							V	0.0	Khăng	
61	161215204	NGUYỄN MINH	TUẤN	K16XCD2	10		5							3	0.0	Khăng	
62	161215209	LÊ	TUẤN	K16XCD2	10		5							3	0.0	Khăng	
63	161215210	HOÀNG NGỌC	TÙNG	K16XCD2	10		7							5.5	6.6	Sau phap Sau	
64	161215213	PHẠM MINH	TƯỜNG	K16XCD2	7		5							V	0.0	Khăng	
65	161216562	NGUYỄN TIẾN	HUY	K16XCD2	10		5.5							5	5.9	Nam phap Chên	
66	161216565	TRẦN THANH	VƯƠNG	K16XCD2	10		6							6	6.6	Sau phap Sau	
67	161216730	HUỖNH NGÔ	PHONG	K16XCD2	10		6.5							5	6.2	Sau phap Hai	
68	161216888	NGUYỄN VĂN	MINH	K16XCD2	4		4							3	0.0	Khăng	
69	161217126	V?	THƯƠNG	K16XCD2	10		6.5							6.5	7.0	Bay	
70	161217209	NGUYỄN TRẦN QUỐC	ĐÔNG	K16XCD2	4		4							V	0.0	Khăng	
71	161217211	HÀ VĨNH	NGHĨA	K16XCD2	7		5							3	0.0	Khăng	
72	161217313	ĐÌNH HỮU	TÂM	K16XCD2	10		5.5							3	0.0	Khăng	
73	161217443	NGUYỄN THANH	HÀ	K16XCD2	10		6.5							5.5	6.5	Sau phap Nam	
74	161217592	PHAN NGỌC	DUY	K16XCD2	10		5							3	0.0	Khăng	
75	111150390	NGUYỄN VĂN	HOÀI	K16XCD3	0		0							HP	0.0	Khăng	
76	161136687	BÙI SỸ	HOÀNG	K16XCD3	10		7							5.5	6.6	Sau phap Sau	
77	161215082	L? HI ÈN	ANH	K16XCD3	10		7.5							6	7.1	Bay phap Mâu	
78	161215089	NGUYỄN THANH	CHÂU	K16XCD3	10		7							5.5	6.6	Sau phap Sau	
79	161215096	ĐỖ NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	K16XCD3	10		7							6	6.9	Sau phap Chên	
80	161215101	TRẦN Đ?NH	DIỆP	K16XCD3	10		7							5.5	6.6	Sau phap Sau	
81	161215102	PHẠM TRUNG	ĐỨC	K16XCD3	10		6.5							7	7.3	Bay phap Ba	
82	161215123	HỒ SỸ	HOÀNG	K16XCD3	10		7.5							5.5	6.8	Sau phap Tam	
83	161215127	TRẦN TIẾN	HÙNG	K16XCD3	0		0							HP	0.0	Khăng	
84	161215129	NGUYỄN ĐĂNG	HUY	K16XCD3	10		6							5	6.1	Sau phap Mâu	

Ngày thi: 25/02/2012

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15	30							55	100			
85	161215136	NGUYỄN ĐỨC	KHÁNH	K16XCD3	10		6.5							3	0.0	Khăng	
86	161215142	NGUYỄN VĂN	LONG	K16XCD3	10		7							5.5	6.6	Sau phay Sau	
87	161215147	V? THÀNH	NAM	K16XCD3	7		5						HP	0.0	Khăng		
88	161215149	NGUYỄN VĂN	NHÀN	K16XCD3	0		0						HP	0.0	Khăng		
89	161215153	HOÀNG THỊ	NHUNG	K16XCD3	10		8							8	8.3	Tam phay Ba	
90	161215160	HOÀNG THỊ ANH	PHƯƠNG	K16XCD3	10		8							8	8.3	Tam phay Ba	
91	161215172	TRẦN VĂN	SỰ	K16XCD3	4		4						V	0.0	Khăng		
92	161215178	ĐINH THỊ HỒNG	THẮNG	K16XCD3	10		7.5							6.5	7.3	Bay phay Ba	
93	161215187	NGUYỄN TÂN	THOẠI	K16XCD3	10		7.5							6.5	7.3	Bay phay Ba	
94	161215199	LÊ DUY	TRUNG	K16XCD3	10		6							V	0.0	Khăng	
95	161215208	MAI VĂN	TUẤN	K16XCD3	0		0						HP	0.0	Khăng		
96	161215212	NGUYỄN THANH	TÙNG	K16XCD3	10		7							6	6.9	Sau phay Chên	
97	161215216	BÙI THANH	VIỆT	K16XCD3	10		6.5							3	0.0	Khăng	
98	161216460	NGUYỄN THANH	CÔNG	K16XCD3	10		6							3	0.0	Khăng	
99	161216789	ĐẶNG QUỐC	DŨNG	K16XCD3	10		6						V	0.0	Khăng		
100	161216858	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	K16XCD3	10		7							7	7.5	Bay phay Nam	
101	161217028	LƯU QUANG	HUY	K16XCD3	0		0						HP	0.0	Khăng		
102	161217031	V? XUÂN	TRUNG	K16XCD3	10		5.5							3	0.0	Khăng	
103	161217032	TRỊNH HOÀN	VŨ	K16XCD3	10		5							V	0.0	Khăng	
104	161217289	NGUYỄN VĂN	QUÍ	K16XCD3	10		5							3	0.0	Khăng	
105	161217328	NGUYỄN VĂN	PHÚ	K16XCD3	10		5							3	0.0	Khăng	
106	161217382	NGUYỄN THANH	HẢI	K16XCD3	0		0						HP	0.0	Khăng		
107	161217487	TRẦN CẢNH	TRƯỜNG	K16XCD3	10		6.5							5	6.2	Sau phay Hai	
108	161217508	PHẠM ANH	TUẤN	K16XCD3	5		4							V	0.0	Khăng	
109	161217595	NGUYỄN NGỌC	QUANG	K16XCD3	10		5.5							3	0.0	Khăng	
110	161217626	NGÔ TẮT	THỌ	K16XCD3	7		5.5							V	0.0	Khăng	
111	161327399	TRƯỜNG QUANG	THUẬN	K16XCD3	10		5.5							3	0.0	Khăng	
112	161446169	ĐẬU QUỐC	NAM	K16XCD3	4		4						HP	0.0	Khăng		
113	151214547	BÙI TÁ	ẤN	K16XCD3	10		5.5							5	5.9	Nam phay Chên	
1	0373	ĐÀO THIÊN	KHÁNH	T16XDC	0		0						V	0.0	Khăng		
2	1016	CAO SƠN	HẢI	C16XCD	10		5.5							5	5.9	Nam phay Chên	
3	1029	NGUYỄN Đ?NH	LONG	C16XCD	10		5.5							5	5.9	Nam phay Chên	
4	0042	LÊ ĐỨC	QUỐC	C15XCD	10		5.5							5	5.9	Nam phay Chên	
8	1033	LÊ VĂN	NAM	C16XCD	0		0						V	0.0	Khăng		
6	1036	V? NGUY ẸN HOÀNG	NGUYỄN	C16XCD	0		0						V	0.0	Khăng		
7	1024	DƯƠNG Đ?NH	HUY	C16XCD	4		4							3	0.0	Khăng	
8	1046	NGUYỄN CHÁNH	THI	C16XCD	10		6							5.5	6.3	Sau phay Ba	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	48	40%	
2	Số sinh viên nợ	73	60%	
TỔNG CỘNG :		121	100%	

Ngày thi: 25/02/2012

STT	MSV	Họ và tên	Lớp	ĐIỂM QUÁ TR?NH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15		30							55	100		

LẬP BẢNG

KIỂM TRA

(k? và ghi r? họ tên)

L?NH ĐẠO KHOA

(k? và ghi r? họ tên)

PH?NG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

(k? và ghi r? họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trần Quốc Bảo

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú